

Bản án số : 36/2020/HNGĐ- ST

Ngày: 15/06/2020

“V/v tranh chấp xin ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Trần Thu In**

- Các Hội thẩm nhân dân: **1/ Bà Trần Thị Lệ**

**2/ Ông Cao Trọng Mãnh**

- Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Việt Bắc** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

Trong ngày 15 tháng 06 năm 2020. Tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 141/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 03 năm 2020 về việc “Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 05 năm 2020, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: Số 39/4 Nguyễn Thiện Thuật, khu phố 3, phường Rạch Sỏi, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Ngọc P1, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 39/4 Nguyễn Thiện Thuật, khu phố 3, phường Rạch Sỏi, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* **Theo đơn xin ly hôn và lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:** Bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Ngọc P1 tự nguyện quen nhau và đã được UBND phường Rạch Sỏi cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/5/2004. Thời gian chung sống ông bà thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, chủ yếu xuất phát từ tình cảm và kinh tế gia đình. Vợ chồng cũng đã sống ly thân từ tháng 1 năm 2020 cho đến nay.

Về con chung: Bà P và ông P1 xác định vợ chồng có 01 người con chung là cháu Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày 24/5/2005. Bà P yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu ông P1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

\* **Tại bản tự khai ông Nguyễn Ngọc P1 trình bày:** Ông P1 thống nhất theo lời trình bày của bà P về hôn nhân và những mâu thuẫn trong hôn nhân. Tuy nhiên ông P1

không đồng ý ly hôn với bà P vì ông P1 muốn vợ chồng hòa giải đoàn tụ để cùng nhau giải tỏa mâu thuẫn, hàn gắn lại với nhau.

\* Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị P xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Ngọc P1, yêu cầu được nuôi con chung là cháu Nguyễn Thị Mỹ L, ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Ngọc P1 vắng mặt không có lý do.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**[1] Về thẩm quyền giải quyết:** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, bị đơn ông Nguyễn Ngọc P1 cư trú tại phường Rạch Sỏi, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá thụ lý giải quyết là đúng theo quy định của pháp luật.

**[2] Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa:** Bị đơn ông Nguyễn Ngọc P1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa, bà P đồng ý xét xử vắng mặt ông P1 theo quy định pháp luật; do đó Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt ông Nguyễn Ngọc P1.

**[3] Về quan hệ hôn nhân:** Ông Nguyễn Ngọc P1 và bà Nguyễn Thị P tự tìm hiểu nhau có tổ chức lễ cưới trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân phường Rạch Sỏi, thành phố Rạch Giá cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/5/2004 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

**[4] Về yêu cầu xin ly hôn:** Trong quá trình chung sống ông P1 và bà P thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, chủ yếu là về tình cảm và kinh tế gia đình, ông bà cũng đã sống ly thân từ tháng 1 năm 2020 cho đến nay, ông bà tuy đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thành, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Theo quy định của pháp luật về quan hệ hôn nhân gia đình thì phải trên cơ sở tự nguyện, tiến bộ, vợ chồng có nghĩa vụ quan tâm, thương yêu, chung thủy, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc bền vững.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tình trạng hôn nhân giữa ông P1 và bà P đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, ông bà không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, ông bà cũng đã sống ly thân một thời gian nhưng vẫn không hàn gắn được tình cảm. Do đó Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P, xử cho bà Nguyễn Thị P được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc P1.

**[4] Xét về con chung Hội đồng xét xử xét thấy:** Ông P1 và bà P xác định vợ chồng ông bà có 01 người con chung là cháu Nguyễn Thị Mỹ Linh, sinh ngày 24/5/2005. Ghi nhận sự tự nguyện về việc nuôi con chung của ông P1 và bà P, cùng

với nguyện vọng của cháu Linh, giao cháu Linh cho bà P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

**[5] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung:** Bà P không yêu cầu ông P1 cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng không xem xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

**[6] Về tài sản chung:** Ông P1 và bà P xác định vợ chồng trong quá trình chung sống không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**[7] Về nợ chung:** Ông P1 và bà P xác định trong quá trình chung sống ông bà không có vay mượn tổ chức, cá nhân nào nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về nợ chung.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. bà Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí xin ly hôn và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 107; Điều 110; khoản 1 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

#### **Xử:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị P đối với ông Nguyễn Ngọc P1.

- **Về con chung:** Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày 24/5/2005 cho bà P tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, ông P1 có quyền và nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục con chung, không ai cản trở ông P1 thực hiện quyền này.

**Về cấp dưỡng nuôi con:** bà P không yêu cầu ông P1 cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung:** Ông P1 và bà P xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu xem xét giải quyết.

- **Về nợ chung:** Ông P1 và bà P xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà Nguyễn Thị P phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án, lệ phí số 0001763 ngày 28/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá.

- Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ( ngày 15/06/2020).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*\* Nơi nhận :*

- TAND Tỉnh Kiên Giang
- VKSND TP. Rạch Giá.
- Chi cục THA Dân sự TPRG
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

**TRẦN THU IN**